

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Oanh;

Ông Phan Tùng Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1974;

Cùng cư trú tại: thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2010 mâu thuẫn càng trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không liên lạc với gia đình, không chăm sóc, nuôi dạy các con; chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn

quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Hồng T, sinh năm 1996, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 14/3/2009. Các con T và T1 đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Q hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 14/3/2009 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là thị xã Đ), tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình

không hợp; đến năm 2010 mâu thuẫn trầm trọng hơn; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài và đã sống ly thân năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Hồng T, sinh năm 1996, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 14/3/2009; các con T và T1 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; cháu Nguyễn Thị Như Q hiện nay đang ở với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Q là phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Q cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 14/3/2009 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0005403 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H,
TX. Đ;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa